UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG DỊ SỬ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /KH-UBND	*Dị Sử, ngày 22 tháng 3 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Thực hiện mục tiêu giảm nghèo phường Dị Sử năm 2024

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 17/8/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2023

Thực hiện các văn bản của Ban Thường vụ Thị ủy: Chương trình hành động số 14-CTr/ThU ngày 28/10/2022 về thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày12/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và giảm nghèo tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã; Chương trình hành động số 19-Ctr/ThU ngày 28/9/2023 về thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TU ngày 21/8/2023 của BanThường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo tỉnh Hưng Yên năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 20/3/2024 của UBND thị xã Mỹ Hào về việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2024;

Ủy ban nhân dân phường Dị Sử ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo phường năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2024

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân; tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năm 2023 tỷ lệ hộ nghèo phường Dị Sử là 0.44%, phấn đấu năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo của phường giảm xuống còn 0.31% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025).

(Phụ lục: Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo phường Dị Sử năm 2024).

b) Tiếp tục triển khai, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, cải thiện điều kiện sống, tăng thu nhập, đảm bảo người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Thời gian: Năm 2024

2. Phạm vi: Kế hoạch được thực hiện trên phạm vi toàn phường, ưu tiên cho một số Tổ dân phố tỷ lệ hộ nghèo cao.

3. Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công, chính sách bảo trợ xã hội.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo tiếp cận các nguồn vốn, gắn với việc trang bị kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất công - nông – tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

b) Xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hướng liên kết giữa hộ nghèo, nhóm hộ nghèo với các doanh nghiệp, nhằm nâng cao thu nhập cho hộ nghèo thông qua việc hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ vốn, tiêu thụ sản phẩm cho hộ nghèo.

c) Thực hiện đồng bộ các biện pháp hỗ trợ hộ nghèo thiếu đất sản xuất: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tốc độ phát triển kinh tế khu vực phi nông nghiệp, đồng thời, lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi phù hợp và hiệu quả, thâm canh tăng năng suất, nâng cao giá trị thu nhập nhằm giảm bớt những khó khăn, giúp các hộ thiếu đất thoát nghèo.

2. Truyền thông và giảm nghèo về Thông tin

a) Truyền thông về giảm nghèo: Truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thông qua việc xây dựng, tổ chức các chương trình thông tin và truyền thông về giảm nghèo; tổ chức các hoạt động truyền thông giảm nghèo theo hình thức hội nghị, trên hệ thống truyền thanh; củng cố, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền, báo cáo viên giảm nghèo…

b) Giảm nghèo về thông tin: Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường nội dung thông tin tuyền truyền các chính sách giảm nghèo của Đảng, Nhà nước, các gương điển hình thoát nghèo...; Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân thông qua việc: hỗ trợ sản xuất, phát sóng, phát thanh, truyền tải... các sản phẩm thông tin về công tác giảm nghèo; trang bị các phương tiện phục vụ thông tin cổ động; bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin tuyên truyền tại cơ sở...

3. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá

a) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo.

b) Kiện toàn Ban Chỉ đạo dạy nghề, việc làm và giảm nghèo phường.

c) Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, hội nghị về giảm nghèo.

d) Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch giảm nghèo định kỳ hoặc đột xuất tại địa phương.

đ) Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 (*Ban hành Kế hoạch riêng*).

e) Duy trì nhập liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở phường.

4. Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với tạo việc làm

a) Tổ chức, triển khai có hiệu quả hoạt động đào tạo nghề, phù hợp với cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề của từng Tổ dân phố, ưu tiên đào tạo nghề cho lao động thuộc nhóm yếu thế trong đó có hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đào tạo nghề như: phối hợp đào tạo, mở lớp...; đa dạng hóa hình thức đào tạo nghề nhằm thích ứng với sử dụng lao động trong các doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0; gắn đào tạo nghề với tạo việc làm, ưu tiên các nghề phục vụ nền kinh tế mũi nhọn, nghề có nhu cầu lớn.

c) Tư vấn, giới thiệu và tạo điều kiện hỗ trợ xuất khẩu lao động ở những thị trường có thu nhập ổn định.

d) Tăng cường thu hút đầu tư, phát triển kinh tế địa phương; có chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng hoạt động tại địa phương nhằm thu hút nhiều lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5. Hỗ trợ về y tế

a) Thực hiện hiệu quả các chính sách bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

b) Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chú trọng công tác phòng bệnh từ cơ sở; ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh tại Trạm y tế, đảm bảo mọi người dân, nhất là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận với dịch vụ y tế hiệu quả nhất.

6. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo

a) Triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mầm non, học sinh, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định hiện hành; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ gia đình nghèo.

b) Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông; triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về giáo dục đào tạo, chú trọng đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục, khuyến khích xây dựng, mở rộng "Quỹ khuyến học", tạo điều kiện cho trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đến trường.

7. Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi

a) Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.

b) Tiếp tục củng cố và nâng cao hơn nữa chất lượng tín dụng chính sách trên địa bàn.

8. Hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Thực hiện hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, cận nghèo; tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo nâng cao hiểu, biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

9. Hỗ trợ nhà ở; cung cấp nước sạch, vệ sinh

a) Tiếp tục vận động mọi nguồn lực hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo còn khó khăn về nhà ở.

b) Huy động tối đa nội lực, thực hiện lồng ghép vốn để đẩy mạnh cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường.

c) Tăng cường hỗ trợ đầu tư các công trình vệ sinh môi trường gồm hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước thải.

10. Các chính sách an sinh xã hội khác

a) Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo quy định đảm bảo kịp thời và đúng đối tượng.

b)Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng yếu thế…, ưu tiên người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

c) Tiếp tục vận động nguồn lực từ xã hội hóa, phát huy hiệu quả sử dụng nguồn Quỹ "Vì người nghèo".

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách đảm bảo; kinh phí đảm bảo xã hội hàng năm của tỉnh; vốn tín dụng để cho vay thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội; Quỹ "Vì người nghèo"; vận động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp phác khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo dạy nghề, việc làm và giảm nghèo phường (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo phường)**:** Chịu trách nhiệm giúp UBND phường chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Công chức Lao động - Thương binh và xã hội: Có trách nhiệm tham mưu UBND phường, Ban chỉ đạo triển khai đôn đốc, hướng dẫn các Tổ dân phố thực hiện kế hoạch, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ban chỉ đạo phường, UBND phường và Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thị xã.

3. Công chức Tài chính - kế toán: Phối hợp với Công chức LĐTB&XH, hướng dẫn lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và căn cứ theo các quy định hiện hành.

4. UBMTTQ phường và các ban ngành đoàn thể, các Tổ dân phố:

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững; phát động các phong trào để giúp đỡ người nghèo như hỗ trợ ngày công để làm nhà ở, phát triển sản xuất...; Tiếp tục vận động xây dựng quỹ "Vì người nghèo", thực hiện tốt Tháng cao điểm vì người nghèo, kêu gọi các tổ chức, cá nhân chung tay ủng hộ giúp đỡ để người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững; Tham gia giám sát, đánh giá việc thực hiện các chính sách giảm nghèo đảm bảo triển khai hiệu quả, kịp thời.

5. Trạm Y tế: Tham mưu thực hiện chính sách hỗ trợ về y tế; hỗ trợ nhà tiêu hợp vệ sinh.

6. Ban văn hóa – Đài truyền thanh phường: Thực hiện hoạt động truyền thông về giảm nghèo; Tuyên truyền các chính sách trợ giúp xã hội, đào tạo nghề, tạo việc làm.

Trên đây là kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo của phường Dị Sử năm 2024, trong quá trình tổ chức có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND phường để chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận
- Phòng LĐ-TB&XH thị xã;
- TT Đảng ủy - HĐND phường;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND phường;
- Các Ban, ngành, đoàn thể phường;
- Các Tổ dân phố;
- Các thành viên BCĐ phường;
- Lưu VT, LĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Vũ Hồng

DỰ KIẾN
TỶ LỆ HỘ NGHÈO PHƯỜNG DỊ SỬ NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2021 của UBND phường về thực hiện mục tiêu giảm nghèo phường Dị Sử năm 2024)

Stt	Xã, phường	Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo năm 2024		
		Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	***2***	**6**	**7**	**8**
I	**Khu vực thành thị**	**21815**	**186**	**0.85**
1	Phường Bạch Sam	2158	29	1.34
2	Phường Dị Sử	3825	14	0.36,6
3	Phường Minh Đức	2540	23	0.90
4	Phường Nhân Hòa	3681	30	0.81
5	Phường Phan Đình Phùng	2722	33	1.21
6	Phường Phùng Chí Kiên	1985	17	0.85
7	Phường Bần Yên Nhân	4687	24	0.51
II	**Khu vực nông thôn**	**14636**	**182**	**1.24**
1	Xã Cẩm Xá	3674	39	1.06

2	Xã Dương Quang	2778	41	1.47
3	Xã Hòa Phong	3225	30	0.93
4	Xã Hưng Long	1318	21	1.59
5	Xã Ngọc Lâm	2019	29	1.43
6	Xã Xuân Dục	1622	22	1.35
	Tổng cộng: I+II	**36451**	**368**	**1.0**

DỰ KIẾN

TỶ LỆ HỘ NGHÈO PHƯỜNG DỊ SỬ NĂM 2021

(Kèm theo Kế hoạch số: 12/KH-UBND ngày 10/ 5 /2021 của UBND phường về thực hiện mục tiêu giảm nghèo phường Dị Sử năm 2021)

Stt	Tổ dân phố	Tỷ lệ hộ nghèo năm 2020			Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo năm 2021		
		Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	***2***	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
1	Phan Bôi	794	6	0.75	796	6	0.75
2	Nhân Vinh	506	6	1,19	508	6	1,19
3	Trại	284	3	1,06	287	3	1,06
4	Trên	426	7	1,64	428	7	1,64
5	Thợ	447	6	1,34	449	6	1,34
6	Rừng	313	3	0,96	315	3	0,96
7	Sài	228	2	0,88	230	2	0,88
8	Bưởi	274	2	0,73	277	2	0,73
9	Tháp	703	7	1	705	6	0,95
	Tổng cộng:	**3992**	**42**	**1,06**	**3995**	**41**	**1,03**